

LỊCH THI LẦN 2 CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2025-2028
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2025-2026 (Đính kèm danh sách thi lần 2 các lớp cao đẳng chính quy khóa học 2025-2028 và sau học lại).
Từ ngày 28/07 đến ngày 31/07/2026. Địa điểm: TDP Hòn Nghé 2, Phường Tây Nha Trang

STT	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Môn thi	Lớp dự thi	Phòng thi	Ghi chú
1	Thứ 3	28/07/2026	8h00	Điều dưỡng cơ sở 2	25.CD.DD.20A,B,C	B 2.1	thi lần 1
2				Sinh lý	25.CD.DU.15A,B		
3				Sinh lý	25.CD.PHR.8		
4				Sinh lý	25.CD.PHCN.8		
5				Kỹ năng giao tiếp- giáo dục sức khỏe	25.CD.HS.13		
6				Bệnh học	25.CD.XN.17		thi lần 2 sau học lại
7				Bệnh học	CD.XN.14		thi lần 2 sau học lại
8				Sinh lý	CD. Dược 12E		thi lần 2 sau học lại
9				Kiểm soát nhiễm khẩn	25.CD.DD.20 B,C		
10	Thứ 3	28/07/2026	14h00	Kiểm soát nhiễm khẩn	25.CD.HS.13	B 2.1	
11				Thực vật được	25.CD.DU.15A,B		



STT	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Môn thi	Lớp dự thi	Phòng thi	Ghi chú
12	Thứ 3	28/07/2026	14h00	Giải phẫu đầu mặt	25.CD.PHR.8	B 2.1	
13				Hóa học	25.CD.PHCN.8		
14				Bệnh học nội khoa	25.CD.HA.17		
15				Bệnh học nội khoa	CD.HA.14		thi lần 2 sau học lại
16	Thứ 4	29/07/2026	8h00	Điều dưỡng cơ sở 1	25.CD.DD.20 C	B 2.1	
17				Hóa hữu cơ	25.CD.DU.15A,B		
18				Giải phẫu răng	25.CD.PHR.8		
19				Điều dưỡng cơ sở	25.CD.PHCN.8		
20				Dinh dưỡng tiết chế	25.CD.HS.13		
21				Mô phôi	25.CD.XN.17		
22				Vật lý đại cương - lý sinh	25.CD.DD.20 B		
23	Thứ 4	29/07/2026	14h00	Pháp luật	25.CD.DU.15A,B	B 2.1	
24				Sinh cơ học phức hình răng	25.CD.PHR.8		
25				Giải phẫu sinh lý chuyên ngành	25.CD.HS.13		

STT	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Môn thi	Lớp dự thi	Phòng thi	Ghi chú
26	Thứ 5	30/07/2026	8h00	Cấp cứu ban đầu	25.CD.DD.20 B	B 2.1	
27				Cấp cứu ban đầu	25.CD.PHCN.8		
28				Cấp cứu ban đầu	25.CD.HS.13		
29				Cấp cứu ban đầu	25.CD.PHR.8		
30	Thứ 5	30/07/2026	14h00	Giải phẫu	25.CD.DU.15A,B	B 2.1	
31				Hóa sinh	25.CD.DU.15A,B		
32				Hóa sinh	25.CD.PHCN.8		
33				Sinh lý bệnh miễn dịch	25.CD.HS.13		
34	Thứ 6	31/07/2026	8h00	Vì sinh-Ký sinh trùng	25.CD.DU.15A,B	B 2.1	
35				Vì sinh-Ký sinh trùng	25.CD.PHCN.8		
36				Mô phôi và sinh học miệng	25.CD.PHR.8		

Lưu ý:

- Sinh viên dự thi phải hoàn thành học phí trước khi dự thi.
- Sinh viên dự thi có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.



 HIEU TRUONG

 Trần Ngọc Thành

TRUONG PHONG DAO TAO

 Huỳnh Thị Mai Hoa

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2026

 NGƯỜI LẬP BẢNG

 Huỳnh Thanh Hùng



 TỈNH KHÁNH HÒA

 SỞ Y TẾ

 KHÁNH HÒA

Số: 376/DS-ĐT

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2026

DANH SÁCH THI LẦN 2
CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHOÁ 2025-2028 VÀ SAU HỌC LẠI
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Mã HSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học	Ghi chú	
I. LỚP 25CĐ.DD.20A							
1	1	25C1DD20A007	Phạm Tâm Bằng	31/07/2004	25CĐ.DD.20A	Điều dưỡng cơ sở 2	Vắng thi lần 1 có phép
II. LỚP 25CĐ.DD.20B							
2	1	25C1DD20B019	Bùi Ngọc Trúc Lam	25/08/2007	25CĐ.DD.20B	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
3	2	25C1DD20B005	Nguyễn Cảnh Linh Đan	30/03/2007	25CĐ.DD.20B	Vật lý đại cương- lý sinh	
4	3	25C1DD20B031	Nguyễn Trần Thanh Nhiên	27/03/2007	25CĐ.DD.20B	Vật lý đại cương- lý sinh	
5	4	25C1DD20B057	Võ Thị Đoan Trang	14/03/2007	25CĐ.DD.20B	Vật lý đại cương- lý sinh	
6	5	25C1DD20B031	Nguyễn Trần Thanh Nhiên	27/03/2007	25CĐ.DD.20B	Điều dưỡng cơ sở 2	
7	6	25C1DD20B032	Phạm Lê Ý Như	12/12/2007	25CĐ.DD.20B	Cấp cứu ban đầu	
III. LỚP 25CĐ.DD.20C							
8	1	25C1DD20C019	Đỗ Thanh Trúc	01/01/2007	25CĐ.DD.20C	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
9	2	25C1DD20C060	Đặng Trương Hoàng Yến	16/08/2006	25CĐ.DD.20C	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
10	3	25C1DD20C019	Đỗ Thanh Trúc	01/01/2007	25CĐ.DD.20C	Điều dưỡng cơ sở 1	
11	4	25C1DD20C084	Nguyễn Thanh Trúc	09/03/2006	25CĐ.DD.20C	Điều dưỡng cơ sở 2	
IV. LỚP 25CĐ.DU.15A							
12	1	25C1DU15A014	Trương Gia Hân	21/4/2007	25CĐ.DU.15A	Thực vật dược	
13	2	25C1DU15B006	Cao Quốc Cảnh	26/12/2007	25CĐ.DU.15A	Thực vật dược	
14	3	25C1DU15C002	Đỗ Trần Tâm Như	11/09/2007	25CĐ.DU.15A	Thực vật dược	
15	4	25C1DU15C010	Nguyễn Trần Phúc Lâm	11/01/2006	25CĐ.DU.15A	Thực vật dược	
16	5	25C1DU15C027	Tô Đăng Huy	04/11/2007	25CĐ.DU.15A	Thực vật dược	
17	6	25C1DU15C033	Võ Chí Tiên	02/5/2007	25CĐ.DU.15A	Thực vật dược	
18	7	25C1DU15A014	Trương Gia Hân	21/4/2007	25CĐ.DU.15A	Hóa hữu cơ	
19	8	25C1DU15A059	Võ Thùy Yến Vy	03/6/2007	25CĐ.DU.15A	Hóa hữu cơ	
20	9	25C1DU15B006	Cao Quốc Cảnh	26/12/2007	25CĐ.DU.15A	Hóa hữu cơ	

STT		Mã HSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học	Ghi chú
21	10	25C1DU15C010	Nguyễn Trần Phúc Lâm	11/01/2006	25CĐ.DU.15A	Hóa hữu cơ	
22	11	25C1DU15C027	Tô Đăng Huy	04/11/2007	25CĐ.DU.15A	Hóa hữu cơ	
23	12	25C1DU15C033	Võ Chí Tiên	02/5/2007	25CĐ.DU.15A	Hóa hữu cơ	
24	13	25C1DU15A014	Trương Gia Hân	21/4/2007	25CĐ.DU.15A	Pháp luật	
25	14	25C1DU15B006	Cao Quốc Cảnh	26/12/2007	25CĐ.DU.15A	Pháp luật	
26	15	25C1DU15C010	Nguyễn Trần Phúc Lâm	11/01/2006	25CĐ.DU.15A	Pháp luật	
27	16	25C1DU15C033	Võ Chí Tiên	02/5/2007	25CĐ.DU.15A	Pháp luật	
28	17	25C1DU15A002	Phạm Thị Mỹ Anh	10/10/2005	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
29	18	25C1DU15A004	Lê Bảo Bi	10/01/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
30	19	25C1DU15A014	Trương Gia Hân	21/4/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
31	20	25C1DU15A015	Ngô Thị Út Hiền	24/02/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
32	21	25C1DU15A018	Trương Đăng Huy	19/8/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
33	22	25C1DU15A020	Trần Thị Bảo Hương	07/9/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
34	23	25C1DU15A022	Trương Phúc Nguyên Khôi	17/7/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
35	24	25C1DU15A030	Huỳnh Thị Thanh Nguyên	18/11/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
36	25	25C1DU15A031	Trần Nguyễn Khôi Nguyên	27/11/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
37	26	25C1DU15A039	Huỳnh Ngọc Uyên Phương	14/6/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
38	27	25C1DU15A040	Trần Huỳnh Kim Phượng	26/10/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
39	28	25C1DU15B041	Nguyễn Thị Anh Thư	30/11/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
40	29	25C1DU15C007	La Bảo Hoàng My	26/7/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
41	30	25C1DU15C010	Nguyễn Trần Phúc Lâm	11/01/2006	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
42	31	25C1DU15C027	Tô Đăng Huy	04/11/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
43	32	25C1DU15C033	Võ Chí Tiên	02/5/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
44	33	25C1DU15D026	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	18/9/2007	25CĐ.DU.15A	Sinh lý	
45	34	25C1DU15A014	Trương Gia Hân	21/4/2007	25CĐ.DU.15A	Giải phẫu	
46	35	25C1DU15C020	Ngô Thanh Nguyệt	03/08/2007	25CĐ.DU.15A	Giải phẫu	
47	36	25C1DU15C033	Võ Chí Tiên	02/5/2007	25CĐ.DU.15A	Giải phẫu	
48	37	25C1DU15A014	Trương Gia Hân	21/4/2007	25CĐ.DU.15A	Hóa sinh	
49	38	25C1DU15A042	Cao Sam	06/02/2007	25CĐ.DU.15A	Hóa sinh	
50	39	25C1DU15A014	Trương Gia Hân	21/4/2007	25CĐ.DU.15A	Vi sinh – Ký sinh trùng	
51	40	25C1DU15C002	Đỗ Trần Tâm Như	11/09/2007	25CĐ.DU.15A	Vi sinh – Ký sinh trùng	

STT	Mã HSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học	Ghi chú
V. LỚP 25CĐ.DU.15B						
52	1	25C1DU15B026	Lê Thị Hồng Nhung	24/05/2007	25CĐ.DU.15B	Thực vật dược
53	2	25C1DU15B026	Lê Thị Hồng Nhung	24/05/2007	25CĐ.DU.15B	Hóa hữu cơ
54	3	25C1DU15B071	Ngô Lê Thanh Tú	08/04/2006	25CĐ.DU.15B	Hóa hữu cơ
55	4	25C1DU15B026	Lê Thị Hồng Nhung	24/05/2007	25CĐ.DU.15B	Pháp luật
56	5	25C1DU15B071	Ngô Lê Thanh Tú	08/04/2006	25CĐ.DU.15B	Pháp luật
57	6	25C1DU15B004	Trì Hoàng Bảo	20/11/2007	25CĐ.DU.15B	Sinh lý
58	7	25C1DU15B009	Cao Thị Mỹ Duyên	04/4/2007	25CĐ.DU.15B	Sinh lý
59	8	25C1DU15B015	Trần Lê Bích Kha	10/01/2007	25CĐ.DU.15B	Sinh lý
60	9	25C1DU15B020	Nguyễn Hồng Hải My	04/8/2007	25CĐ.DU.15B	Sinh lý
61	10	25C1DU15B029	Tu Võ Đăng Quang	21/5/2004	25CĐ.DU.15B	Sinh lý
62	11	25C1DU15B033	Trần Kim Quỳnh	11/01/2007	25CĐ.DU.15B	Sinh lý
63	12	25C1DU15B040	Nguyễn Thị Phương Thùy	11/02/2007	25CĐ.DU.15B	Sinh lý
VI. LỚP 25CĐ.PHR.8						
64	1	25C1PR008029	Nguyễn Anh Tú	29/10/2004	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu đầu mặt
65	2	25C1PR008013	Đinh Hoàng Gia Huy	11/06/2006	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu răng
65	3	25C1PR008016	Nguyễn Huỳnh Đan Lê	10/06/2007	25CĐ.PHR.8	Giải phẫu răng
66	4	25C1PR008009	Phạm Văn Hiếu	01/7/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
66	5	25C1PR008013	Đinh Hoàng Gia Huy	11/6/2006	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
67	6	25C1PR008016	Nguyễn Huỳnh Đan Lê	10/6/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
67	7	25C1PR008018	Phạm Thị Khánh Ly	01/8/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
68	8	25C1PR008026	Nguyễn Quốc Toàn	14/11/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
68	9	25C1PR008029	Nguyễn Anh Tú	29/10/2004	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
69	10	25C1PR008036	Nguyễn Văn Nam	11/3/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
69	11	25C1PR008050	Đoàn Quỳnh Anh	07/8/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
70	12	25C1PR008052	Đặng Duy Tùng	09/02/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh cơ học phục hình răng
70	13	25C1PR008007	Trịnh Khánh Hà	12/11/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh lý
71	14	25C1PR008009	Phạm Văn Hiếu	01/7/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh lý
71	15	25C1PR008013	Đinh Hoàng Gia Huy	11/6/2006	25CĐ.PHR.8	Sinh lý
72	16	25C1PR008015	Châu Gia Khánh	05/12/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh lý
72	17	25C1PR008016	Nguyễn Huỳnh Đan Lê	10/6/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh lý

STT		Mã HSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học	Ghi chú
73	18	25C1PR008017	Huỳnh Thục Linh	07/03/2006	25CĐ.PHR.8	Sinh lý	
73	19	25C1PR008029	Nguyễn Anh Tú	29/10/2004	25CĐ.PHR.8	Sinh lý	
74	20	25C1PR008049	Lương Anh Việt	27/10/2007	25CĐ.PHR.8	Sinh lý	
74	21	25C1PR008026	Nguyễn Quốc Toàn	14/11/2007	25CĐ.PHR.8	Cấp cứu ban đầu	
75	22	25C1PR008029	Nguyễn Anh Tú	29/10/2004	25CĐ.PHR.8	Cấp cứu ban đầu	
75	23	25C1PR008050	Đoàn Quỳnh Anh	07/8/2007	25CĐ.PHR.8	Cấp cứu ban đầu	
76	24	25C1PR008016	Nguyễn Huỳnh Đan Lê	10/6/2007	25CĐ.PHR.8	Mô phôi và sinh học miệng	
76	25	25C1PR008029	Nguyễn Anh Tú	29/10/2004	25CĐ.PHR.8	Mô phôi và sinh học miệng	

VII. LỚP 25CĐ.PHCN.8

77	1	25C1PH008044	Bùi Trọng Khánh	13/7/2006	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
78	2	25C1PH008011	Ngô Trọng Khôi	27/12/2003	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
79	3	25C1PH008019	Lê Quang Ngọc	26/4/2007	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
80	4	25C1PH008042	Nguyễn Đặng Như Ý	30/6/2007	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
81	5	25C1PH008025	Trần Thị Ngọc Thảo	16/02/2006	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
82	6	25C1PH008034	Nguyễn Nhật Minh	29/01/2007	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
83	7	25C1PH008039	Nguyễn Ngọc Gia Hân	19/3/2006	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
84	8	25C1PH008043	Trần Thái Huy	17/10/2007	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
85	9	25C1PH008050	Phùng Ngọc Tường Vân	21/7/2007	25CĐ.PHCN.8	Hóa học	
86	10	25C1PH008026	Nguyễn Quốc Thiện	04/06/2006	25CĐ.PHCN.8	Điều dưỡng cơ sở	
87	11	25C1PH008003	Vũ Hoàng Anh	21/11/2007	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
88	12	25C1PH008005	Nguyễn Quốc Đạt	31/05/2007	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
89	13	25C1PH008013	Phan Vũ Hoàng Kim	22/12/2007	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
90	14	25C1PH008042	Nguyễn Đặng Như Ý	30/6/2007	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
91	15	25C1PH008026	Nguyễn Quốc Thiện	04/06/2006	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
92	16	25C1PH008031	Đoàn Việt Trung	16/04/2007	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
93	17	25C1PH008034	Nguyễn Nhật Minh	29/01/2007	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
94	18	25C1PH008039	Nguyễn Ngọc Gia Hân	19/3/2006	25CĐ.PHCN.8	Sinh lý	
95	19	25C1PH008033	Nguyễn Đức Thịnh	17/06/2007	25CĐ.PHCN.8	Cấp cứu ban đầu	
96	20	25C1PH008035	Phù Tấn Huy	25/09/2006	25CĐ.PHCN.8	Cấp cứu ban đầu	
97	21	25C1PH008026	Nguyễn Quốc Thiện	04/06/2006	25CĐ.PHCN.8	Hóa sinh	
98	22	25C1PH008006	Võ Hoàng Anh Đạt	13/07/2007	25CĐ.PHCN.8	Vì sinh – Ký sinh trùng	

STT		Mã HSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học	Ghi chú
99	23	25C1PH008010	Bùi Thiện Khang	30/10/2006	25CĐ.PHCN.8	Vi sinh – Ký sinh trùng	
100	24	25C1PH008015	Phan Phúc Lượng	20/06/2007	25CĐ.PHCN.8	Vi sinh – Ký sinh trùng	
101	25	25C1PH008024	Phạm Hoàng Minh Quang	22/06/2007	25CĐ.PHCN.8	Vi sinh – Ký sinh trùng	
102	26	25C1PH008041	Võ Hoàng Long	14/02/2007	25CĐ.PHCN.8	Vi sinh – Ký sinh trùng	

VIII. LỚP 25CĐ.HA.17

103	1	25C1HA017002	Nguyễn Trần Thiên An	04/06/2007	25CĐ.HA.17	Bệnh học Nội khoa	
104	2	25C1HA017003	Nguyễn Trọng Anh	01/11/2005	25CĐ.HA.17	Bệnh học Nội khoa	
105	3	25C1HA017004	Nguyễn Huỳnh Quốc Bảo	20/12/2007	25CĐ.HA.17	Bệnh học Nội khoa	
106	4	25C1HA017009	Nguyễn Thuý Linh	12/11/2006	25CĐ.HA.17	Bệnh học Nội khoa	
107	5	25C1HA017014	Lê Quốc Toàn	14/10/2007	25CĐ.HA.17	Bệnh học Nội khoa	
108	6	25C1HA017016	Nguyễn Minh Trí	29/10/1999	25CĐ.HA.17	Bệnh học Nội khoa	

IX. LỚP 25CĐ.HS.13

109	1	25C1HS013015	Tô Thị Kim Vàng	01/04/2007	25CĐ.HS.13	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
110	2	25C1HS013015	Tô Thị Kim Vàng	01/04/2007	25CĐ.HS.13	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	
111	3	25C1HS013013	Nguyễn Ngọc Mỹ Tuyền	27/09/2007	25CĐ.HS.13	Cấp cứu ban đầu	
112	4	25C1HS013015	Tô Thị Kim Vàng	01/04/2007	25CĐ.HS.13	Cấp cứu ban đầu	
113	5	25C1HS013001	Đỗ Trương Minh Châu	12/02/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
114	6	25C1HS013004	Võ Ngọc Linh Na	10/8/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
115	7	25C1HS013005	Phạm Lê Thanh Phương	16/02/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
116	8	25C1HS013010	Võ Hoàng Khánh Trâm	11/7/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
117	9	25C1HS013012	Phạm Thị Phương Trúc	14/9/2005	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
118	10	25C1HS013013	Nguyễn Ngọc Mỹ Tuyền	27/9/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
119	11	25C1HS013014	Lê Nhật Phương Uyên	21/10/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
120	12	25C1HS013015	Tô Thị Kim Vàng	01/4/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
121	13	25C1HS013017	Trần Thị Hoài Thương	27/3/2001	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
122	14	25C1HS013024	Trương Quỳnh Như	25/9/2007	25CĐ.HS.13	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	
123	15	25C1HS013015	Tô Thị Kim Vàng	01/04/2007	25CĐ.HS.13	Dinh dưỡng - Tiết chế	
124	16	25C1HS013015	Tô Thị Kim Vàng	01/04/2007	25CĐ.HS.13	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành(LT)	

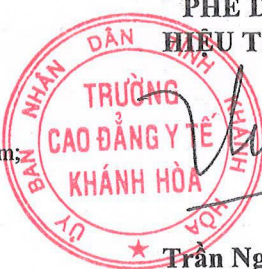
X. LỚP 25CĐ.XN.17

125	1	25C1XN017001	Nguyễn Thành Danh	06/06/2007	25CĐ.XN.17	Bệnh học	
126	2	25C1XN017004	Mai Anh Đào	16/12/2007	25CĐ.XN.17	Bệnh học	

STT		Mã HSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học	Ghi chú
127	3	25C1XN017008	Đặng Trần Nhất Khanh	17/08/2005	25CĐ.XN.17	Bệnh học	
128	4	25C1XN017021	Cao Minh Trung	21/12/2007	25CĐ.XN.17	Bệnh học	
129	5	25C1XN017010	Dương Trịnh Thanh Ngân	22/08/2006	25CĐ.XN.17	Mô phôi	
XI. DS sinh viên sau học lại của các lớp cao đẳng chính quy.							
130	1	B22105011	Lê Nguyễn Tường Vy	17/12/2004	CĐ KT Xét nghiệm 14	Bệnh học	
131	2	B22103205	Nguyễn Tuấn Kiệt	29/11/2004	CĐ Dược 12E	Sinh lý	
132	3	B22103221	Hoàng Trọng Tuấn	03/10/2003	CĐ Dược 12E	Sinh lý	
133	4	B22104007	Y Yun Yol Niê	06/11/2002	CĐ KT Hình ảnh 14	Bệnh học Nội khoa	
Danh sách có 33 sinh viên							

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các Phòng, Khoa;
- Nhà giáo chủ nhiệm;
- Lưu: VT, ĐT.



**PHÊ DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

Trần Ngọc Thành

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Huỳnh Thị Mai Hoa

NGƯỜI LẬP BẢNG

Mai Thị Diệu

